

Please complete this form in English only  
Vui lòng điền đầy đủ mẫu này chỉ bằng tiếng Anh

**Order of Protection**

**Lệnh Bảo Vệ**

Amended Order

**Lệnh Được Sửa Đổi**

Petitioner is under 18

Nguyên đơn dưới 18 tuổi

In the \_\_\_\_\_ Court of \_\_\_\_\_ County, TN

Tại Tòa Án \_\_\_\_\_ Hạt \_\_\_\_\_ TN

**Case #** (the clerk fills this in)  
**Vụ việc #** (thư ký điền vào phần này):

**Petitioner's name** (person needing protection)

**Tên của Nguyên đơn** (người cần bảo vệ)

*first*  
*tên*

*middle*  
*tên đệm*

*last*  
*họ*

**Petitioner's Children under 18 Protected by this Order:**

**Con dưới 18 tuổi của Nguyên đơn được bảo vệ bởi Lệnh này:**

Name, Age, Relationship to Respondent

Tên, Tuổi, Quan hệ với Bị đơn

1. \_\_\_\_\_

2. \_\_\_\_\_

Name, Age, Relationship to Respondent

Tên, Tuổi, Quan hệ với Bị đơn

3. \_\_\_\_\_

4. \_\_\_\_\_

**Respondent's Information** (person you want to be protected from):

**Thông Tin của Bị Đơn** (người mà quý vị muốn sẽ được bảo vệ):

*first*  
*tên*

*middle*  
*tên đệm*

*last*  
*họ*

*date of birth*  
*ngày sinh*

*street address*  
*địa chỉ đường phố*

*city*  
*thành phố*

*state*      *Zip*  
*tiểu bang*      *Zip*

Respondent's Employer: \_\_\_\_\_

Chủ Hãng của Bị Đơn: \_\_\_\_\_

*Employer's name*  
*Tên của chủ hãng*

*Employer's phone #*  
*Số điện thoại của chủ hãng #*

**DESCRIBE RESPONDENT: MIÊU TẢ BỊ ĐƠN**

Sex Giới tính	Race Chủng tộc	Hair Tóc	Eyes Mắt	Height – Weight – SSN – Other Chiều cao – Cân nặng – Số An Sinh Xã Hội – Khác			
<input type="checkbox"/> Male Nam	<input type="checkbox"/> White Da trắng	<input type="checkbox"/> Black Đen	<input type="checkbox"/> Brown Nâu	Height Chiều cao		Weight Cân nặng	

**This is a Court Order**  
**Đây là Lệnh Tòa Án.**

Order of Protection  
Lệnh Bảo Vệ

Please complete this form in English only  
 Vui lòng điền đầy đủ mẫu này chỉ bằng tiếng Anh

<input type="checkbox"/> Female Nữ	<input type="checkbox"/> Asian Châu Á	<input type="checkbox"/> Grey Xám	<input type="checkbox"/> Hazel Nâu vàng nhạt	Social Sec. # (If known) Số An Sinh Xã Hội (Nếu biết)	(Provided to Clerk's office if known) <b>Do not list it here.</b> <b>XXXXX</b> (Đã cung cấp cho văn phòng Thư ký nếu biết) <b>Không ghi tại đây.</b> <b>XXXXX</b>
	<input type="checkbox"/> Black Da đen	<input type="checkbox"/> Blond Vàng	<input type="checkbox"/> Blue Xanh dương	Scars/Special Features Sẹo/Đặc Điểm Đặc Biệt	
	<input type="checkbox"/> Hispanic Người Mỹ gốc Tây Ban Nha	<input type="checkbox"/> Bald Đầu hói	<input type="checkbox"/> Green Xanh lá cây	<input type="checkbox"/> Other: _____ Khác: _____	Phone Number Số Điện Thoại

Petitioner's relationship to the Respondent (*Check all that apply*):  
 Mỗi quan hệ của Nguyên đơn với Bị đơn (*Đánh dấu chọn tất cả nếu áp dụng*):

- |   |  |
|---|--|
| <input type="checkbox"/> We are married or used to be married.<br>Chúng tôi kết hôn hoặc đã từng kết hôn.   | <input type="checkbox"/> We live together or used to live together.<br>Chúng tôi sống cùng nhau hoặc đã từng sống cùng nhau.               |
| <input type="checkbox"/> We have a child together.<br>Chúng tôi có con chung.   | <input type="checkbox"/> We are dating, used to date, or have had sex.<br>Chúng tôi đang hẹn hò, đã từng hẹn hò, hoặc đã quan hệ tình dục. |
| <input type="checkbox"/> We are relatives, related by adoption, or are/were in-laws. ( <i>Specify</i> ): _____<br>Chúng tôi là họ hàng, có liên quan bởi nhận nuôi, hoặc là/đã là thông gia. ( <i>Nêu rõ</i> ): |  |
| <input type="checkbox"/> We are the children of a person whose relationship is described above ( <i>Specify</i> ): _____<br>Chúng tôi là con của người có mối quan hệ nêu trên ( <i>Nêu rõ</i> ):               |  |
| <input type="checkbox"/> The Respondent has stalked me.<br>Bị đơn săn đuổi tôi.   | <input type="checkbox"/> The Respondent has sexually assaulted me.<br>Bị đơn tấn công tình dục tôi.  |
| <input type="checkbox"/> Other: _____<br>Khác:  |  |

**Findings About Abuse:**  
**Phát Hiện Về Việc Hành Hung:**

1. The Court has jurisdiction over the parties and this case. The Respondent was given reasonable notice of the hearing and an opportunity to be heard.  
 Tòa Án có thẩm quyền xét xử đối với các bên và vụ việc này. Bị Đơn được gửi thông báo phiên tòa hợp lý và có điều kiện được xét xử.

2. Based on the information in the *Petition*, and the hearing held, the court finds that the Respondent:  
 Căn cứ thông tin trong *Đơn Đề Nghị*, và phiên tòa được tổ chức, tòa án nhận thấy rằng Bị đơn:

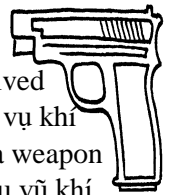
Did the things listed in the *Petition* and the court adopts these as facts and incorporates them by reference, AND/OR

Đã làm những việc như được liệt kê trong *Đơn Đề Nghị* và tòa án thông qua những sự việc này và kết hợp lại bởi tham chiếu, VÀ/HOẶC

Did the following things:  
 Làm những việc sau đây:

**Warning!**  
**Cảnh báo!**

- Weapon involved  
 Liên quan đến vũ khí  
 Has or owns a weapon  
 Có hoặc sở hữu vũ khí



Please complete this form in English only  
Vui lòng điền đầy đủ mẫu này chỉ bằng tiếng Anh

AND there is credible evidence that Respondent is a threat to the safety of the Petitioner and  Petitioner's Minor Children.

VÀ có bằng chứng xác thực rằng Bị đơn là mối đe dọa đến sự an toàn của Nguyên đơn và  Trẻ Vị Thành Niên của Nguyên Đơn.

3. Respondent has specifically: (check all that apply):

Bị đơn cụ thể đã: (đánh dấu tất cả nếu áp dụng):

- |   |  |  |
|---|--|--|
| <input type="checkbox"/> Abused/Threatened to Abuse<br>Hành Hung/Đe Dọa Hành Hung | <input type="checkbox"/> Sexually Assaulted<br>Tấn Công Tình Dục | <input type="checkbox"/> Stalked<br>Săn Đuổi |
|---|--|--|

the  Petitioner AND  Petitioner's Minor Children.  
Nguyên Đơn VÀ Trẻ Vị Thành Niên Của Nguyên Đơn.

**Findings about the minor children of the parties: (check one):**

**Phát hiện về trẻ vị thành niên của các bên: (đánh dấu chọn một):**

- The Court has jurisdiction over custody for the child(ren) of the parties because his/her/their home state is Tennessee.

Tòa Án có thẩm quyền chăm sóc cho (các) con của các bên vì tiểu bang cư trú của trẻ là Tennessee.

- The Court has temporary emergency jurisdiction over custody for the children of the parties listed above because they are in Tennessee now, and they (or the Petitioner) were at risk. (If another state has jurisdiction over child custody under UCCJEA, this Court's temporary jurisdiction will end on \_\_\_\_\_ or when the other state's Court makes an order.)

Tòa Án có thẩm quyền khẩn cấp tạm thời về việc chăm sóc cho các con của các bên được liệt kê ở trên vì họ hiện đang ở Tennessee, và họ (hoặc Nguyên đơn) đang gặp rủi ro. (Nếu tiểu bang khác có thẩm quyền đối với việc chăm sóc trẻ theo UCCJEA, thì thẩm quyền tạm thời của Tòa Án này sẽ kết thúc vào hoặc khi Tòa Án của tiểu bang khác có lệnh.)

**Findings About Firearms:**

**Phát Hiện Về Súng:**

**The Respondent (check all that apply):**

**Bị đơn (đánh dấu tất cả nếu áp dụng):**

- Has no firearms  
Không có súng
- Has firearms that he/she must give to someone else who is allowed to have them (TCA § 36-3-625).  
Có súng mà cá nhân đó phải đưa cho một người khác được phép tàng trữ (TCA § 36-3-625).
- Has firearms that are registered under the National Firearms Act and must be either transferred to a responsible third party, or locked in a safe or other secure container to which the Respondent does not have access. A state or federal agency must give its approval before the firearms are turned in.

Có súng được đăng ký theo Đạo Luật Vũ Khí Quốc Gia và phải được chuyển cho một bên thứ ba có trách nhiệm, hoặc cất giữ ở trong két an toàn hoặc hộp đựng an toàn khác mà Bị đơn không tiếp cận được. Cơ quan tiểu bang hoặc liên bang phải chấp thuận trước khi thu nộp vũ khí.

- Has a federal firearms license (FFL) or is a responsible party under an FFL, and has firearms under that FFL that qualify as business inventory, and (check one):

Có giấy phép sử dụng vũ khí liên bang (FFL) hoặc là một bên có trách nhiệm theo FFL, và có vũ khí theo FFL đủ điều kiện như là tồn kho doanh nghiệp và (đánh dấu chọn một):

This is a Court Order  
Đây là Lệnh Tòa Án.

Order of Protection  
Lệnh Bảo Vệ

Please complete this form in English only  
Vui lòng điền đầy đủ mẫu này chỉ bằng tiếng Anh

- There is **no** responsible party listed on the FFL other than the Respondent in this case. The Respondent must turn in or transfer all firearms inventory under his/her control to a separate FFL holder who is legally allowed to have firearms.

**Không** có bên có trách nhiệm nào được liệt kê trong FFL ngoài Bị đơn trong trường hợp này. Bị đơn phải giao nộp hoặc chuyển số hàng vũ khí tồn kho mà mình kiểm soát cho một người có FFL riêng biệt mà được pháp luật cho phép tàng trữ vũ khí.

- There **is** another responsible party listed on the FFL other than the Respondent in this case. This Order does not require the Respondent to turn in or transfer the firearms inventory.

Có một bên khác có trách nhiệm được liệt kê trong FFL ngoài Bị đơn trong trường hợp này. Lệnh này không yêu cầu Bị đơn giao nộp hay chuyển số hàng vũ khí tồn kho.

### Other Findings:

#### Các Phát Hiện Khác:

- Petitioner is a party to a lease or rental agreement and that continuing to reside in the rented or leased premises may jeopardize the life, health and safety of the petitioner or the petitioner's children.

Nguyên đơn là một bên của thỏa thuận thuê hoặc cho thuê mà việc tiếp tục cư trú tại cơ sở cho thuê hoặc được thuê có thể gây nguy hiểm đến cuộc sống, sức khỏe và sự an toàn của nguyên đơn hay con của nguyên đơn.

- Petitioner has proven by a preponderance of the evidence that petitioner and any minor children in the petitioner's care are the primary users of the wireless telephone number(s): \_\_\_\_\_ and the Court should enter a separate order, pursuant to TCA §36-3-627, directing \_\_\_\_\_, a wireless telephone service provider, to transfer the billing responsibility for and rights to the wireless telephone number or numbers of petitioner since petitioner is not the account holder.**

Với ưu thế về bằng chứng, Nguyên Đơn đã chứng minh rằng nguyên đơn và trẻ vị thành niên dưới sự chăm sóc của nguyên đơn là những người dùng chính (các) số điện thoại không dây: \_\_\_\_\_ và Tòa án cần ký một lệnh riêng, căn cứ vào TCA §36-3-627, ra lệnh cho \_\_\_\_\_, nhà cung cấp dịch vụ điện thoại không dây, chuyển giao trách nhiệm chi trả hóa đơn và các quyền liên quan đến (các) số điện thoại không dây cho nguyên đơn vì nguyên đơn không phải là người đứng tên chủ tài khoản.

### The Court orders Respondent to:

#### Tòa Án ra lệnh cho Bị Đơn:

- Obey all orders on this form.  
Tuân theo tất cả lệnh trong mẫu đơn này.
- Not abuse or threaten to abuse Petitioner or Petitioner's minor children.  
Không hành hung hay đe dọa hành hung Nguyên đơn hoặc trẻ vị thành niên của Nguyên đơn.
- Not stalk or threaten to stalk Petitioner or Petitioner's minor children.  
Không săn đuổi hay đe dọa săn đuổi Nguyên đơn hoặc trẻ vị thành niên của Nguyên đơn.

### Other Orders to the Respondent (Check all that apply):

#### Các Lệnh Khác với Bị Đơn (Đánh dấu chọn tất cả nếu áp dụng):

- No Contact**

#### Không Liên Lạc

You must not come about the Petitioner (including coming by or to a shared residence) for any purpose and must not contact  Petitioner AND  Petitioner's children, either directly or indirectly, by phone, email, messages, text messages, mail or any other type of communication or contact.

Quý vị không được xuất hiện trước Nguyên đơn (bao gồm đến bên hoặc đến gần nơi cư trú chung) vì bất kỳ mục đích nào và không được liên hệ  Nguyên đơn VÀ  con của Nguyên đơn, dù trực tiếp hay gián tiếp, bằng điện thoại, email, tin nhắn, thư từ hoặc bất kỳ hình thức liên lạc hoặc giao tiếp nào khác.

This is a Court Order  
Đây là Lệnh Tòa Án.

Order of Protection  
Lệnh Bảo Vệ

Please complete this form in English only  
Vui lòng điền đầy đủ mẫu này chỉ bằng tiếng Anh

**Stay Away**

**Tránh Xa**

You must stay away from the  Petitioner's home  Petitioner's workplace  Children's home and workplace.  
Quý vị phải tránh xa khỏi  Nhà của nguyên đơn  Nơi làm việc của nguyên đơn  Nhà và nơi làm việc của trẻ.

**Personal Conduct –  
Hành Vi Cá Nhân –**

You must not cause intentional damage to the Petitioner's (or Petitioner's children's) property or interfere with the utilities at their home(s).

Quý vị không được cố ý gây hư hỏng tài sản của Nguyên đơn (hoặc con của Nguyên đơn) hoặc can thiệp những tiện ích trong (các) nhà của họ.

You must not hurt or threaten to hurt any animals owned or kept by the Petitioner/Petitioner's children.

Quý vị không được làm tổn thương hoặc đe dọa làm tổn thương bất kỳ động vật nào do Nguyên đơn/con của Nguyên đơn sở hữu hoặc nuôi giữ.

**Counseling/Substance Abuse Programs  
Chương Trình Tư Vấn/Lạm Dụng Chất**

You must go to the following program(s) and give the court proof that you have gone, participated and have made progress in this program (*contact information*): \_\_\_\_\_

Quý vị phải tham gia (các) chương trình sau đây và phải cung cấp bằng chứng cho tòa chứng minh rằng quý vị đã đến, tham gia và có tiến bộ trong chương trình này (*thông tin liên lạc*): \_\_\_\_\_

**Parenting Time**

**Thời Gian Chăm Sóc Con**

The Petitioner will have custody of the minor child(ren) in this case.

Nguyên đơn có quyền chăm sóc (các) trẻ vị thành niên trong trường hợp này.

You will have parenting time with your minor child(ren) at the following times:

Quý vị sẽ có thời gian chăm sóc với (các) con vị thành niên của quý vị vào những giờ sau đây:

\_\_\_\_\_  
\_\_\_\_\_  
\_\_\_\_\_

Your parenting time will be supervised by: \_\_\_\_\_ at: \_\_\_\_\_

Thời gian chăm sóc con của quý vị sẽ được giám sát bởi: \_\_\_\_\_ lúc: \_\_\_\_\_

Exchange of the children will take place at and will happen as follows:

Việc trao đổi con sẽ diễn ra tại và xảy ra như sau:

\_\_\_\_\_  
\_\_\_\_\_

The person in charge of getting the minor children to and from visitation will be:

Người chịu trách nhiệm đưa đón trẻ vị thành niên đến nơi thăm nom sẽ là:

Mom  Dad  Other (*name*): \_\_\_\_\_ **to** the visits  
Mẹ Cha Khác (*tên*): \_\_\_\_\_ **đến** các chuyến thăm nom

Mom  Dad  Other (*name*): \_\_\_\_\_ **from** the visits  
Mẹ Cha Khác (*tên*): \_\_\_\_\_ **từ** nơi chăm nom

**Child Support** \$ \_\_\_\_\_/ each \_\_\_\_\_ (month/week, etc) beginning \_\_\_\_\_ (date). \_\_\_\_\_/  
**Trợ Cấp Nuôi Dưỡng Trẻ** \$ \_\_\_\_\_/ mỗi \_\_\_\_\_ (tháng/tuần, v.v.) bắt đầu ngày \_\_\_\_\_ (ngày). \_\_\_\_\_/

This is the guideline amount. See the attached DHS *Child Support Worksheet*.

Đây là số tiền theo nguyên tắc. Xem *Bảng Liệt Kế Trợ Cấp Nuôi Dưỡng Con* của DHS đính kèm.

This is a Court Order  
Đây là Lệnh Tòa Án.

Order of Protection  
Lệnh Bảo Vệ

Please complete this form in English only  
Vui lòng điền đầy đủ mẫu này chỉ bằng tiếng Anh

- This is **not** the guideline amount and is a deviation from the guideline amount. The Court has considered the best interest of each child in this case, and finds that guideline support would be unjust or inappropriate in this case.

Đây **không** phải là số tiền theo nguyên tắc và có thể sai lệch so với số tiền theo nguyên tắc. Tòa Án đã xem xét đến quyền lợi tốt nhất của từng trẻ trong trường hợp này, và nhận thấy rằng số tiền trợ cấp nuôi con theo nguyên tắc không công bằng hoặc không thích hợp trong trường hợp này.

- Other: \_\_\_\_\_  
Khác: \_\_\_\_\_

**Payment method:**

**Phương thức thanh toán:**

- Pay the Petitioner directly by the \_\_\_\_\_ day of each month. (the court finds that this does not endanger the Petitioner or the Petitioner's minor children and it is not a violation to send payment only with no notes or comments to the Petitioner)

Thanh toán trực tiếp cho Nguyên đơn trước ngày \_\_\_\_ mỗi tháng. (tòa án nhận thấy rằng điều này không gây nguy hiểm cho Nguyên đơn hoặc trẻ vị thành niên của Nguyên đơn và không vi phạm nếu chỉ chuyển tiền mà không có ghi chú hoặc lời nhắn cho Nguyên đơn)

- Take payment to this Court Clerk's Office. You will also have to pay a clerk fee of \_\_\_\_\_% on each payment. The additional clerk fee amount is \$ \_\_\_\_\_ each month.

Chuyển tiền cấp dưỡng đến Văn Phòng Thư Ký của Tòa Án này. Quý vị cũng sẽ phải thanh toán phí thư ký là \_\_\_\_\_% trong mỗi đợt trả tiền. Số tiền chi phí thư ký phát sinh là \$ \_\_\_\_\_ mỗi tháng.

- Support payments will be  withheld from your paycheck (Contact the Central Collection and Disbursement Unit at 800-838-6911 by \_\_\_\_\_ or  shall be sent directly to Central Collection Disbursement Unit at Central Child Support Receipting Unit, P. O. Box 305200, Nashville, TN 37229.

Số tiền trợ cấp sẽ được  trích từ tiền lương của quý vị (Liên hệ Phòng Thu Tiền và Chi Tiêu Trung Tâm ở số điện thoại 800-838-6911 trước \_\_\_\_\_ hoặc  sẽ được gửi trực tiếp đến Phòng Thu Tiền và Chi Tiêu Trung Tâm tại Central Child Support Receipting Unit, P. O. Box 305200, Nashville, TN 37229.

- Petitioner Support** \$ \_\_\_\_\_/ each month.

**Trợ Cấp Nguyên Đơn** \$ \_\_\_\_\_/ mỗi tháng.

**Payment method:**

**Phương thức thanh toán:**

- Pay the Petitioner directly by the \_\_\_\_\_ day of each month. (The court finds that this does not endanger the Petitioner or the Petitioner's minor children and it is not a violation to send payment only with no notes or comments to the Petitioner)

Thanh toán trực tiếp cho Nguyên đơn trước ngày \_\_\_\_ mỗi tháng. (Tòa án nhận thấy rằng điều này không gây nguy hiểm cho Nguyên đơn hoặc trẻ vị thành niên của Nguyên đơn và không vi phạm nếu chỉ chuyển tiền mà không có ghi chú hoặc lời nhắn cho Nguyên đơn)

- Take payment to this Court Clerk's Office. You will also have to pay a clerk fee of \_\_\_\_\_% on each payment. The additional clerk fee amount is \$ \_\_\_\_\_ each month.

Chuyển tiền cấp dưỡng đến Văn Phòng Thư Ký của Tòa Án này. Quý vị cũng sẽ phải thanh toán phí thư ký là \_\_\_\_\_% trong mỗi đợt trả tiền. Số tiền chi phí thư ký phát sinh là \$ \_\_\_\_\_ mỗi tháng.

- Payment will be

Số tiền sẽ được

- withheld from your paycheck (Contact the Central Collection and Disbursement Unit at 800-838-6911 by \_\_\_\_\_(date)

trích từ tiền lương của quý vị (Liên hệ Phòng Thu Tiền và Chi Tiêu Trung Tâm ở số điện thoại 800-838-6911 trước \_\_\_\_\_(ngày)

This is a Court Order  
Đây là Lệnh Tòa Án.

Order of Protection  
Lệnh Bảo Vệ

Please complete this form in English only

Vui lòng điền đầy đủ mẫu này chỉ bằng tiếng Anh

shall be sent directly to Central Collection Disbursement Unit at Central Child Support Receiving Unit, P. O. Box 305200, Nashville, TN 37229.

sẽ được gửi trực tiếp đến Phòng Thu Tiền và Chi Tiêu Trung Tâm tại Central Child Support Receiving Unit, P. O. Box 305200, Nashville, TN 37229.

**Control of all Types of Property**

**Quản Lý tất cả các Loại Tài Sản**

Petitioner only  and/or Petitioner's children are the only ones who can live in the property at: \_\_\_\_\_(address)

Chỉ Nguyên đơn  và/hoặc con của nguyên đơn là những người duy nhất có thể sống trong cơ ngơi tại: \_\_\_\_\_(địa chỉ)

You must move out immediately from (address): \_\_\_\_\_

Quý vị phải dọn ngay lập tức ra khỏi (địa chỉ): \_\_\_\_\_

You must provide suitable alternate housing for the Petitioner by (date): \_\_\_\_\_, 20\_\_\_\_.

Quý vị phải cung cấp một nơi ở khác thích hợp cho Nguyên đơn trước (ngày): \_\_\_\_\_, 20\_\_\_\_.

You must pay to the petitioner all costs, expenses and fees pertaining to the petitioner's breach of a lease or rental agreement for residential property in the amount of \_\_\_\_\_.

Quý vị phải trả mọi chi phí, phí tổn của nguyên đơn có liên quan đến việc vi phạm thỏa thuận cho thuê hoặc thuê của \_\_\_\_\_ nguyên đơn đối với cơ ngơi cư trú với số tiền là \_\_\_\_\_.

Only the Petitioner can use, control, and possess the following property, things, and animals:

Chỉ có Nguyên đơn mới có thể sử dụng, quản lý, và sở hữu tài sản, những vật dụng, và động vật sau đây:

\_\_\_\_\_

If the parties shared a residence, Respondent can obtain his/her clothing and personal effects such as medicine as follows: (List items to be obtained and process as approved by local law enforcement personnel)

Nếu các bên ở cùng nơi cư trú, thì Bị đơn có thể nhận áo quần và các vật dụng cá nhân như thuốc như sau: Liệt kê những vật dụng có được và quy trình như nhân viên thi hành pháp luật địa phương cho phép) \_\_\_\_\_

\_\_\_\_\_

**Orders to the Respondent about Firearms:**

**Lệnh cho Bị đơn về Súng:**

• You must not have, or attempt to have, receive or attempt to receive or in any other way get any firearm while this or any later protective order is in effect.

Quý vị không được có, hoặc cố gắng có, nhận hoặc cố gắng nhận được hoặc theo bất kỳ cách thức nào khác để có bất kỳ loại súng nào trong khi lệnh bảo vệ này hoặc bất kỳ lệnh bảo vệ nào sau đó có hiệu lực.

• You must transfer all firearms in your possession within 48 hours to any person who is legally allowed to have them.

Quý vị phải chuyển tất cả số vũ khí mà quý vị sở hữu cho bất kỳ người nào được pháp luật cho phép tàng trữ trong vòng 48 giờ.

• You must fill out and file a *Firearms Declaration* within 1 business day of transferring your firearms. You may take more than 1 business day to file this form **only** if the Court gave you a later deadline. (You can get the *Firearms Declaration* form from the Court Clerk's Office or at [www.tncourts.gov](http://www.tncourts.gov).)

Quý vị phải điền đầy đủ và nộp lại bảng *Kê Khai Vũ Khí* trong vòng 1 ngày làm việc kể từ khi chuyển số vũ khí của quý vị. Quý vị có thể có hơn 1 ngày làm việc để nộp mẫu đơn này **chỉ** nếu Tòa Án cho quý vị thời hạn trễ hơn. (Quý vị có thể nhận mẫu *Bảng Kê Khai Vũ Khí* từ Văn Phòng Thư Ký Tòa Án hoặc tại [www.tncourts.gov](http://www.tncourts.gov).)

This is a Court Order

Đây là Lệnh Tòa Án.

Order of Protection

Lệnh Bảo Vệ

Please complete this form in English only  
Vui lòng điền đầy đủ mẫu này chỉ bằng tiếng Anh

- If a state or federal agency approves it, your weapons that are registered under the National Firearms Act must be either transferred to a responsible third party, or placed in a locked safe or other secure container to which you do not have access.  
Nếu cơ quan tiểu bang hoặc liên bang chấp thuận, vũ khí có đăng ký theo Đạo Luật Vũ Khí Quốc Gia của quý vị phải được chuyển cho một bên thứ ba có trách nhiệm, hoặc được cho vào két an toàn có khóa hoặc hộp đựng an toàn khác mà quý vị không được tiếp cận.
- If your *Firearms Declaration* shows that you have a federal firearms license (FFL), and that you are the **only** responsible party listed on that FFL, you must transfer all firearms inventory under your control to a separate FFL holder or another responsible party.  
Nếu *Bảng Kê Khai Vũ Khí* của quý vị cho thấy rằng quý vị có giấy phép sử dụng vũ khí của liên bang (FFL), và quý vị là bên có trách nhiệm **duy nhất** được liệt kê trong FFL đó, thì quý vị phải chuyển tất cả số vũ khí tồn kho mà quý vị quản lý cho người có FFL riêng biệt hoặc cho một bên có trách nhiệm khác.

**Costs, fees and litigation taxes**

**Chi phí, phí tổn và thuế kiện tụng**

You must pay all court costs (Petitioner's costs and your costs), lawyer fees, and other fees or taxes related to this case.

Quý vị phải thanh toán tất cả các chi phí tòa án (chi phí của Nguyên đơn và chi phí của quý vị), phí luật sư, và các chi phí hoặc thuế khác có liên quan đến vụ việc này.

**Other Orders:**

**Các Lệnh Khác:**

**Petitioner and any minor children in the petitioner's care are the primary users of the wireless telephone number(s): \_\_\_\_\_ and a separate order shall be entered per to TCA §36-3-627, directing \_\_\_\_\_, a wireless telephone service provider, to transfer the billing responsibility for and rights to the wireless telephone number or numbers of petitioner since petitioner is not the account holder.**

Nguyên đơn và và bất kỳ trẻ vị thành niên nào dưới sự chăm sóc của nguyên đơn là những người dùng chính (các) số điện thoại không dây: \_\_\_\_\_ và Tòa án cần ký một lệnh riêng theo TCA §36-3-627, ra lệnh cho \_\_\_\_\_, nhà cung cấp dịch vụ điện thoại không dây, chuyển giao trách nhiệm chi trả hóa đơn và các quyền liên quan đến (các) số điện thoại không dây cho nguyên đơn vì nguyên đơn không phải là người đứng tên chủ tài khoản.

\_\_\_\_\_  
\_\_\_\_\_

**This Order takes effect immediately upon signing. Lệnh này có hiệu lực ngay khi ký.**

*This Order starts today, (date):* \_\_\_\_\_.

*Lệnh này bắt đầu ngày hôm nay, (ngày):* \_\_\_\_\_.

**This Order ends (date):** \_\_\_\_\_.

**Lệnh này chấm dứt (ngày):** \_\_\_\_\_.

- In 1 year. The Petitioner may ask to continue the Order.  
Trong 1 năm. Nguyên đơn có thể yêu cầu tiếp tục thực hiện Lệnh.
- In 5 years (1<sup>st</sup> violation of current PO)  
Trong 5 năm (vi phạm PO hiện tại lần thứ 1)
- In 10 years (2<sup>nd</sup> or more violation of current PO)  
Trong 10 năm (vi phạm PO hiện tại lần thứ 2 hoặc nhiều hơn)

Date: \_\_\_\_\_ Time: \_\_\_\_\_  
Ngày: \_\_\_\_\_ Giờ: \_\_\_\_\_

- a.m.
- p.m.



\_\_\_\_\_  
Signature of Judge or Chancellor  
Chữ Ký của Thẩm Phán hoặc Quan Chương Ấn

**This is a Court Order  
Đây là Lệnh Tòa Án.**

Order of Protection  
Lệnh Bảo Vệ



Please complete this form in English only  
Vui lòng điền đầy đủ mẫu này chỉ bằng tiếng Anh

**Proof of Service**

**Bằng Chứng Tổng Đạt**

The Respondent was served on (date): \_\_\_\_\_ Time: \_\_\_\_\_  a.m.  
Bị đơn được tổng đạt vào (ngày): \_\_\_\_\_ Giờ: \_\_\_\_\_  p.m.

by (check one)

bởi (đánh dấu chọn một):

- Personal service  
Dịch vụ cá nhân
- U.S. mail, prepaid postage to the Respondent's last known address  
Thư tín Hoa Kỳ, bưu phí trả trước đến địa chỉ mới nhất được biết của Bị đơn
- U.S. mail per TCA §§ 20-2-215 and 20-2-216 (The Respondent does not live in Tennessee)  
Thư Tín Hoa Kỳ theo TCA §§ 20-2-215 và 20-2-216 (Bị Đơn không sống tại Tennessee)
- The Clerk certifies a copy of this Order was forwarded to 911 and local law enforcement.  
Thư Ký chứng nhận một bản Lệnh này được chuyển đến 911 và văn phòng thực thi pháp luật địa phương.
- Reasonable attempts to find the Respondent's address were made, but there is no known address at this time.  
Đã nhiều lần cố gắng hợp lý tìm địa chỉ của Bị đơn, nhưng không biết địa chỉ vào lúc này.

Server's title (check one):  Clerk

Deputy Clerk

Chức danh của người tổng đạt (đánh dấu chọn một): Thư Ký  Phó

Thư Ký

Signature of Server

Chữ Ký của Người Tổng Đạt

Sur

Authorized Officer

Attorney

Viên Chức Được Ủy Quyền

Luật

**Warnings to Respondent:**

**Cảnh Báo Bị Đơn:**

**This Order is valid everywhere in the U.S.**

**Lệnh này có hiệu lực ở mọi nơi trong lãnh thổ Hoa Kỳ.**

If you travel to another state, territory or tribal land, with the intention of disobeying this Order, you can be charged with a federal crime. The courts of any U.S. state, the District of Columbia, all tribal lands, and U.S. territories, must enforce this Order, even if the Order is not registered. (18 U.S.C. §§ 2262, 2265)

Nếu quý vị di chuyển đến tiểu bang khác, lãnh thổ khác hoặc đất thổ dân khác, với ý định không tuân theo Lệnh này, quý vị có thể bị buộc tội là tội phạm liên bang. Các tòa án ở bất kỳ tiểu bang Hoa Kỳ nào, Quận Columbia, tất cả các khu vực thổ dân, và lãnh thổ Hoa Kỳ, phải tuân theo Lệnh này, cho dù không đăng ký Lệnh. (18 U.S.C. §§ 2262, 2265)

A copy of this Order will be sent to all law enforcement agencies where Petitioner resides AND any court in which the respondent and petitioner are parties to an action. Any law enforcement officer who reasonably believes you have disobeyed this Order may arrest you.

Bản sao của Lệnh này sẽ được gửi đến các cơ quan thi hành pháp luật nơi Nguyên đơn cư trú VÀ bất kỳ tòa án nào mà bị đơn và nguyên đơn là các bên có liên quan. Bất kỳ cán bộ thi hành pháp luật nào có cơ sở tin rằng anh/chị không tuân theo Lệnh này đều có thể bắt anh/chị.

**No Guns, Firearms**

**Không Súng, Vũ Khí**

You must not have any firearm while this Order is in effect. You cannot own, possess, have, buy or try to buy, receive or try to receive, or in any other way get any firearm or ammunition.

This is a Court Order  
Đây là Lệnh Tòa Án.

Order of Protection  
Lệnh Bảo Vệ

Please complete this form in English only

Vui lòng điền đầy đủ mẫu này chỉ bằng tiếng Anh

Quý vị không được có bất kỳ loại súng nào trong khi Lệnh này có hiệu lực. Quý vị không thể sở hữu, chiếm hữu, có, mua hoặc cố gắng mua, nhận hoặc cố gắng nhận, hoặc có bất kỳ loại súng hoặc đạn dược nào bằng bất kỳ hình thức nào khác.

You must legally transfer, sell, or turn in any firearm that you have within 48 hours. Transfers are only legal if the person you transfer to is allowed to have firearms. You may get your firearms back when the Order of protection ends. Quý vị phải chuyển giao, bán, hoặc giao nộp bất kỳ vũ khí nào mà quý vị có trong vòng 48 giờ theo pháp luật quy định. Việc chuyển nộp chỉ hợp pháp nếu người mà quý vị chuyển giao được phép có vũ khí. Quý vị có thể nhận lại vũ khí của mình khi Lệnh bảo vệ chấm dứt.

### **You will face separate charges if you disobey this Order**

#### **Quý vị sẽ chịu các buộc tội riêng biệt nếu quý vị không tuân theo Lệnh này**

You may face separate, criminal contempt charges and/or civil penalties if:

Quý vị có thể chịu các buộc tội hình sự riêng biệt, và / hoặc hình phạt dân sự nếu:

- You disobey this Order on purpose (TCA § 36-3-610).

Quý vị cố ý vi phạm Lệnh này (TCA § 36-3-610).

The penalty for each violation is **up to 10 days in jail and a \$10 or \$50 fine** (TCA § 29-9-103).

Hình phạt cho mỗi vi phạm có thể bị bắt ở **tù đến 10 ngày và nộp tiền phạt \$10 hoặc \$50** (TCA § 29-9-103).

- You may also have to pay a civil penalty of up to \$50 for each violation (TCA § 36-3-610).

Quý vị có thể phải trả tiền phạt dân sự lên đến \$50 cho mỗi lần vi phạm (TCA § 36-3-610).

You may face separate, Class A misdemeanor charges if:

Quý vị có thể chịu các buộc tội riêng biệt, phạm tội nhẹ Loại A nếu:

- You violate this Order (Public Chapter No. 422, effective July 1, 2019).

Quý vị vi phạm Lệnh này (Chương Công Số 422, có hiệu lực ngày 1 tháng bảy 2019)

A violation is punishable by **up to 11 months and 29 days in jail and a fine of not less than \$100 no more than \$2500 for each violation.**

Vi phạm có thể bị phạt tù giam **lên đến 11 tháng và 29 ngày và tiền phạt không ít hơn \$100 không hơn \$2500 cho mỗi lần vi phạm**

- You do not transfer your firearm(s) legally by the deadline  
Quý vị không chuyển giao (các) vũ khí của quý vị trước thời hạn theo quy định của pháp luật

- You have a firearm while the Order is in effect

Quý vị có vũ khí trong khi Lệnh có hiệu lực

The penalty for each violation is **up to 11 months and 29 days in jail and a fine of up to \$2,500** (TCA § 40-35-111(e)(1)). There may be other charges if domestic violence is involved.

Mức phạt cho mỗi lần vi phạm phạt tù giam **lên đến 11 tháng và 29 ngày và tiền phạt lên đến \$2.500.** (TCA § 40-35-111(e)(1)). Có thể chịu các buộc tội khác nếu có liên quan bạo lực gia đình.

- You do not transfer, sell, or turn in any firearm you may face Class A misdemeanor charges and you may also be charged with a federal crime. (TCA §§ 39-13-113(h)(1), 39-17-1307; 18 U.S.C. § 922(g)(8)).

Quý vị không chuyển giao, bán, hoặc giao nộp bất kỳ vũ khí nào, quý vị có thể phải chịu các buộc tội nhẹ Nhóm A và quý vị có thể bị buộc tội là phạm tội liên bang.

You may face separate, Class C felony charges if:

**This is a Court Order**

**Đây là Lệnh Tòa Án.**

Order of Protection

Lệnh Bảo Vệ

Please complete this form in English only

Vui lòng điền đầy đủ mẫu này chỉ bằng tiếng Anh

Quý vị có thể chịu các buộc tội riêng biệt, trọng tội Loại C nếu:

- You hurt or try to hurt anyone while this Order, probation or diversion is in effect, you may face charges for aggravated assault, a Class C felony. (TCA §§ 39-13-102(c), 36-3-610)

Quý vị làm tổn thương hay cố gắng làm tổn thương bất kỳ người nào trong thời gian Lệnh này, thì án treo hoặc miễn tố có điều kiện sẽ có hiệu lực, quý vị có thể chịu các án giam vì tội hành hung gia trọng, trọng tội Loại C. (TCA §§ 39-13-102(c), 36-3-610)

The penalty for each violation is **not less than 3 years no more than 15 years and a fine of up to \$10,000** (TCA § 40-35-111(b)(3)).

Mức phạt cho mỗi lần vi phạm phạt tù giam **không ít hơn 3 năm không hơn 15 năm và tiền phạt lên đến \$10,000** (TCA § 40-35-111(b)(3)).

**Only the Court can change this Order (Chỉ có Tòa Án mới có thể thay đổi Lệnh này)**

Neither you nor the Petitioner can agree to change this Order. Even if the Petitioner attempts to contact you or agrees to have contact with you, you must obey this Order. If you do not, you can be jailed for up to 11 months and 29 days and fined up to \$2,500.

Quý vị hoặc Nguyên đơn đều không thể đồng ý thay đổi Lệnh này. Cho dù Nguyên đơn cố gắng liên lạc với quý vị hoặc đồng ý liên lạc với quý vị, quý vị cũng phải tuân theo Lệnh này. Nếu không, quý vị có thể bị ở tù đến 11 tháng và 29 ngày và bị phạt tiền đến \$2.500.

**To the Petitioner:**

**Dành cho Nguyên Đơn:**

You may ask any government agency or utility provider to keep private any information that could be used to locate you, such as addresses, phone numbers, and/or social security number. To do so, give a copy of this Protective Order to the Records Department of the agency or utility. (TCA § 10-7-504(a)(15-16))

Quý vị có thể yêu cầu bất kỳ cơ quan chính phủ hoặc nhà cung cấp tiện ích bảo mật bất kỳ thông tin nào có thể được sử dụng để xác định vị trí của quý vị, như địa chỉ, số điện thoại, và/hoặc số an sinh xã hội. Để thực hiện điều này, hãy cung cấp một bản Lệnh Bảo Vệ này cho Phòng Hồ Sơ Ghi Chép của cơ quan hoặc nhà cung cấp tiện ích.  
(TCA § 10-7-504(a)(15-16))

This is a Court Order  
Đây là Lệnh Tòa Án.

Order of Protection  
Lệnh Bảo Vệ